

Bản án số: 249/2024/DS-ST

Ngày: 22 – 8 - 2024

V/v Tranh chấp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Em - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2024/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Trần Lệ T. Sinh năm: 1976 (xin vắng mặt).

Ông Dương Minh T1. Sinh năm: 1980 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Số C, đường L, khóm A, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

-Bị đơn: Bà Phạm Thị N. Sinh năm: 1957 (vắng mặt).

Ông Lương Văn N1. Sinh năm: 1956 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Số C, đường L, khóm E, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa ông Dương Minh T1 trình bày:

Năm 2018, vợ chồng ông có mở 01 dây hụi 5.000.000 đồng, hụi mở vào ngày 10/10/2018 âm lịch, dây hụi có 30 chân, có 23 hụi viên tham gia, hụi 20 ngày khai 01 lần ai bỏ thăm cao thì hốt, có lập danh sách hụi. Vợ chồng ông Lương Văn N1 và bà Phạm Thị N có tham gia chơi 01 chân, ông N1 bà N hốt ở kỳ thứ 3 vào ngày 20/11/2018 âm lịch, số tiền hốt được là 69.900.000 đồng (trừ tiền hoa hồng là 3.000.000 đồng và tiền ông N1 mượn đóng hụi ở kỳ thứ nhất và

kỳ thứ hai là 10.000.000 đồng), có ghi giấy biên nhận hốt hụi ngày 20/11/2018 âm lịch.

Sau khi hốt hụi thì ông N1 bà N không đóng hụi chết, hụi đã mãn vào ngày 30/5/2020 âm lịch (nhằm ngày 20/7/2020 dương lịch), hiện tại ông N1 bà N còn nợ lại 27 lần hụi chết x 5.000.000 đồng = 135.000.000 đồng. Vợ chồng ông đã nhiều lần đến nhà ông N1, bà N yêu cầu trả tiền hụi nhưng ông N1 lần tránh nên đến ngày 10/01/2019, vợ chồng ông có đơn trình báo đến chính quyền địa phương và vào ngày 12/3/2019 ông tiếp tục làm đơn yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C giải quyết do ông N1 bỏ địa phương đi trốn tránh nghĩa vụ trả nợ hụi cho vợ chồng ông. Quá trình giải quyết tại Cơ quan điều tra có mời ông N1 lên làm việc và sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C giải thích là ông N1 không có bỏ địa phương đi nên không có dấu hiệu hình sự. Do đó, ông rút đơn và khởi kiện dân sự.

Đối với nội dung “Giấy giao – nhận tiền hụi” phần nội dung phía trên từ dòng chữ “Hụi: 5000.000 đồng, có 20 ngày khui một lần...” đến dòng chữ “người nhận đủ tiền ký nhận” là do ông T1 ghi. Còn dòng chữ từ : “Dao đủ tiền cho D hốt...người chứng nhận” là do ông N1 ghi. Phần ký tên ghi họ tên là do ông N1 ký và ghi họ tên. Khi ký nhận thì tự ông N1 ghi thêm phần nội dung “Dao đủ tiền cho D hốt...người chứng nhận”, ông cũng không biết D là ai, ông N1 nói ông ghi thêm phần nội dung này để biết số tiền ông hốt hụi sử dụng vào việc gì.

Do ông N1, bà N không có thiện chí trả nợ, vì vậy vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu ông N1, bà N cùng có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông tổng số tiền, gồm:

Tiền hụi 189.900.000 đồng (Trong đó: nợ hụi 135.000.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày 20/7/2020 dl đến ngày 20/8/2020 dl là 49 tháng x 0.83%/tháng x 135.000.000 đồng = 54.904.500 đồng (làm tròn 54.900.000 đồng)).

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lương Văn N1 trình bày:

Trước đây ông có quen biết với mẹ của D là bà S, không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể. Do ông có biết D và ông biết ông T1, bà T có mở dây hụi 5.000.000 đồng nên giới thiệu D chơi hụi, đến lúc D hốt hụi thì ông T1, bà T có viết một “giấy giao – nhận tiền hụi”, tuy nhiên ghi vào thời gian nào ông cũng không nhớ, lúc này bà T, ông T1 kêu ông lại nhà ông T1, bà T chứng kiến việc ông T1, bà T giao tiền hụi cho D. Ông xác định tại “giấy giao –nhận tiền hụi” ngày 20/11/2018 mà nguyên đơn nộp cho Tòa có chữ ký và chữ viết “Ngõa – Lương Văn N1” là do ông ký tên và viết họ tên nhưng ông ký giấy này với tư cách là người chứng kiến việc ông T1, bà T giao tiền hụi cho ông D, ông không có tham gia chơi hụi của ông T1, bà T. Do đó, ông không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn. Ông xác định việc này bà N là vợ ông không có liên quan, bà N không biết gì về việc ông ký nhận việc ông T1, bà T giao hụi cho D.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 12/6/2024, bà Phạm Thị N trình bày: Bà không biết và cũng không liên quan đến việc ông T1, bà T cho rằng vợ chồng bà có tham gia chơi hụi.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hụi là 189.900.900 đồng. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông N1, bà N trả lại cho nguyên đơn tổng số tiền hụi là 189.900.000 đồng, trong đó nợ hụi là 135.000.000 đồng, tiền lãi là 54.900.000 đồng. Án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Về quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hụi được quy định tại điều 471 Bộ luật dân sự. Bị đơn đang cư trú tại thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn là bà Trần Lệ T và bị đơn là bà Phạm Thị N, ông Lương Văn N1. Tuy nhiên, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà N, ông N1 vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227, 228 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Các đương sự tổ chức chơi hụi với nhau có lập danh sách hụi viên, tuy không đăng ký theo quy định, bị đơn không thừa nhận có tham gia chơi hụi nhưng theo lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, qua xác minh các hụi viên (bút lục số 135) thể hiện việc các đương sự giao dịch hụi là thực tế có xảy ra, khi bị đơn hốt hụi nguyên đơn đều có ghi sổ cho bị đơn ký tên vào sổ nhận tiền (bút lục số 36).

[3.2] Mặc dù bị đơn không thừa nhận có tham gia chơi hụi của nguyên đơn nhưng bị đơn thừa nhận chữ ký “Ngõa” và ghi họ tên “Lương Văn N1” tại “giấy giao – nhận tiền hụi ngày 20/11/2018 âl” là do bị đơn ký và viết. Việc ông N1 cho rằng ông ký “giấy giao – nhận tiền hụi ngày 20/11/2018 âl” là do ông chứng kiến D hốt hụi của ông T1, bà T nên ký chứng kiến. Tuy nhiên, ông N1 không cung cấp được họ tên và địa chỉ cụ thể của D. Hiện nay, D đã bỏ địa phương đi nên Tòa án không tiến hành làm việc được. Quá trình giải quyết vụ án ông N1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến, lời trình bày của ông là đúng. Tại điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra các chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có

trong hồ sơ vụ việc”. Đồng thời, trong số tiền hui nguyên đơn yêu cầu có phần lãi hui nhưng nguyên đơn, bị đơn không đặt ra yêu cầu nên không xem xét. Sau khi hốt, do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ góp đúng và góp đủ như thỏa thuận, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ thay cho bị đơn nên khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả lại là có cơ sở.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày hui mãn là ngày 30/5/2020 âm lịch (nhằm ngày 20/7/2020 dương lịch) đến ngày 20/8/2024 dương lịch là 49 tháng x 10%/năm (tức 0.83%/tháng) x 135.000.000 đồng = 54.904.500 đồng (làm tròn 54.900.000 đồng) là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ thanh toán: Ông N1, bà N cho rằng bà N không liên quan, không biết gì đến đây hui mà nguyên đơn yêu cầu, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng như thông báo, triệu tập hợp lệ song bà N vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của bà. Đồng thời, biên bản làm việc ngày 24/7/2024 tại Tòa án ông N1 xác định bà N là vợ ông nhưng bà N không liên quan gì đến việc ông ký nhận tiền hui giao cho D. Xét thấy, tại khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “ Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này”. Đối chiếu với các quy định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm chơi hui và thời điểm giải quyết án giữa ông N1 và bà N vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân, ông N1 và bà N không cung cấp giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh trong thời gian chung sống giữa vợ chồng có thỏa thuận bằng văn bản hoặc đã có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên khoản nợ trên được xác định là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

[6] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T1, bà T về việc buộc bị đơn ông N1, bà N có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ hui tổng cộng là 135.000.000 đồng + 54.900.000 đồng = 189.900.000 đồng.

[7] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí, được nhận lại toàn bộ án phí. Bị đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng bị đơn không có đơn xin miễn án phí nên buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

